

Bản án số: **101/2024/DSST**.

Ngày: 12/7/2024.

V/v: Tranh chấp hợp đồng dịch vụ
pháp lý

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN

Với Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: **Bà Trần Xuân Hương**

Các Hội thẩm nhân dân: **1. Ông Nguyễn Văn Khanh**

2. Bà Nguyễn Thị Cúc

- **Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thu Hà** – Thư ký Toà án nhân dân quận Long Biên.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Hoàng Hằng** - Kiểm sát viên.

Ngày 12/7/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Long Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 48/2024/TLST-DS ngày 20/3/2024 về việc Tranh chấp hợp đồng dịch vụ pháp lý theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2024/QĐST-DS ngày 05/7/2024 giữa:

- **Nguyên đơn: Văn phòng luật sư T**

Trụ sở: Số H, phường B, quận Tây Hồ, TP. Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền: **Ông Lương Văn B (Có mặt)**

- **Bị đơn: Bà Vũ Thị Thùy D, sinh năm 1985**

Địa chỉ: Số B, phường N, quận Long Biên, TP. Hà Nội.

(Có mặt)

NỘI D VU ÁN

*** Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:**

Tháng 11/2022 Văn phòng Luật sư T tư vấn pháp lý và hỗ trợ cho 09 đại lý bảo hiểm trước đây là Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ AVIVA nay là Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ MVI (MVI), trong đó có đại lý của Bà Vũ Thị Thùy

D về việc tư vấn, hỗ trợ pháp lý yêu cầu MVI thanh toán tiền hoa hồng tái tục của các hợp đồng bảo hiểm do các đại lý là người tư vấn bán sản phẩm bảo hiểm, hỗ trợ khách hàng trong quá trình ký kết, tham gia hợp đồng bảo hiểm của MVI.

Sau khi thỏa thuận được về cách thức giải quyết vụ việc cũng như phí hợp đồng dịch vụ pháp lý Văn phòng Luật sư T và các đại lý đã tiến hành ký hợp đồng dịch vụ với từng đại lý. Ngày 30/11/2022 Văn phòng Luật sư T ký hợp đồng dịch vụ pháp lý số 06/2022/HĐDVPL với bà Vũ Thị Thuỳ D với nội D . Hợp đồng được hai bên ký kết đóng dấu theo quy định, mỗi bên giữ một bản làm bằng chứng. Hợp đồng có hiệu lực từ ngày ký. Kèm theo hợp đồng dịch vụ số: 06/2022/HĐDVPL ngày 30/11/2022 của bà Vũ Thị Thuỳ D là bảng kê doanh thu đại lý năm 2023, 2024 có ký xác nhận của bà D với tổng số tiền hoa hồng yêu cầu là 42,007,000 đồng được bà D ký xác nhận ngày 07/11/2022.

Sau khi ký hợp đồng và nhận đơn yêu cầu Luật sư của các đại lý, Văn phòng Luật sư T tiến hành gửi các Công văn số 02/CV-THV ngày 05/12/2022; Công văn số 07/2023CV-THV ngày 31/01/2023; Công văn số 25/2023/CV-THV đến MVI gửi MVI với nội D thay mặt các đại lý bảo hiểm đưa ra các yêu cầu về việc chi trả hoa hồng đại lý bảo hiểm.

Tháng 3/2023 Văn phòng Luật sư nhận được thông báo từ các đại lý bảo hiểm, MVI sẽ tiến hành thanh toán hoa hồng đại lý cho các đại lý của MVI. Bà Vũ Thị Thuỳ D nhận được thư thông báo chi trả khoản hỗ trợ cho đại lý đề ngày 15/3/2023 của MVI với nội D : MVI chi trả khoản hỗ trợ một lần cho bà D có mã số đại lý 80003736

Ngày 11/05/2023 Văn phòng Luật sư T nhận được Công văn số 009/2023/CV-TGD đề ngày 10/05/2023 của MVI trả lời kiến nghị của Văn phòng Luật sư về việc Bà D cũng đã đồng ý nhận hỗ trợ từ Công ty vào ngày 17/3/2023 và nhận khoản hỗ trợ vào ngày 14/4/2023.

Sau khi các đại lý nhận được tiền hoa hồng do MVI chi trả, Văn phòng luật sư đã đồng ý với đề nghị của các đại lý về việc được thanh toán 10 % trên số tiền thực tế các đại lý nhận được, các đại lý đã đồng ý thanh toán và ký biên bản thanh lý hợp đồng. Duy nhất đại lý Vũ Thị Thùy D không tiến hành thanh toán phí dịch vụ pháp lý theo thỏa thuận.

Do không nhận được phí hợp đồng dịch vụ pháp lý Văn phòng Luật sư T đã phát hành các công văn đề nghị thanh toán gửi đến bà Vũ Thị Thùy D

- Công văn số 33/2023/CV-THV gửi ngày 12/5/2023 nhận ngày 15/5/2023 (phiếu báo phát Newpost số BPT020002457112) với nội D đề nghị bà D thực hiện đúng nội D trong hợp đồng dịch vụ pháp lý đã ký kết và thanh toán phí dịch vụ. Ngày 15/5/2023 Bà D gửi thư hồi đáp với nội D chỉ đồng ý thanh toán 1,000,000 đồng (Một triệu đồng) cho Hợp đồng dịch vụ pháp lý số 06/2022 với Văn phòng Luật sư. Do không đồng ý với quan điểm của bà D ngày 29/5/2023 Văn phòng Luật sư T B hành Công văn số 36/2023/CV-THV về việc yêu cầu

thanh toán phí hợp đồng dịch vụ pháp lý, bà D nhận được công văn ngày ngày 01/6/2023 (phiếu báo phát Newpost số BPT020002457031) phúc đáp thư ngày 15/5/2023 của bà D với nội D giữ nguyên quan điểm về việc yêu cầu bà D thanh toán phí hợp đồng dịch vụ pháp lý là 15% trên số tiền bà D nhận được từ MVI. Ngày 03/6/2023 bà D gửi thư hồi đáp với nội D chỉ chấp nhận thanh toán cho Văn phòng Luật sư 10% trên tổng số phí mà Văn phòng đã thu được từ 8 (tám) người còn lại.

- Công văn số 43/2023/CV-THV phúc đáp thư ngày 03/6/2023 của bà D gửi ngày 13/6/2023 chuyển hoàn ngày 14/6/2023 vì lý do “khách 1 tháng mới về” (phiếu báo phát Newpost số BPT020002456961) với nội D giải thích rõ về thù lao Luật sư thực hiện đúng theo quy định Luật Luật sư năm 2006, đồng ý giảm phí hợp đồng dịch vụ pháp lý và đề nghị bà D thanh toán 10% trên số tiền bà D nhận được từ MVI cho Văn phòng Luật sư.

- Công văn số 50/2023/CV-THV gửi bà D ngày 14/07/2023 nhận ngày 15/7/2023 (phiếu báo phát Newpost số BPT020002457086) với nội D đề nghị bà D thanh toán 10% trên số tiền bà D nhận được từ MVI cho văn phòng Luật sư. Vào ngày 24/7/2023, bà D đã gửi thư hồi đáp với nội D cho rằng về phí hợp đồng dịch vụ pháp lý chưa phù hợp với công sức Văn phòng Luật sư bỏ ra và chỉ chấp nhận thanh toán cho Văn phòng Luật sư 10% trên tổng số phí mà Văn phòng đã thu được từ 8 (tám) người còn lại.

Theo Thư Thông báo chi trả khoản hỗ trợ cho Đại lý ngày 15/3/2023 của MVI thì bà D đã nhận được 35,598,201 đồng (Ba mươi lăm triệu năm trăm chín mươi tám nghìn hai trăm linh một đồng) ngày 14/4/2023. Tính đến thời điểm hiện tại, đã gần 05 tháng kể từ ngày bà D nhận được tiền từ MVI, bà D vẫn không tiến hành thanh toán phí dịch vụ cho Văn phòng Luật sư.

Căn cứ Điều 4 Hợp đồng dịch vụ pháp lý số 06/2022/HDDDVPL ngày 30/11/2022 giữa Văn phòng luật sư T và bà D, bà D có nghĩa vụ thanh toán phí dịch vụ pháp lý trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được tiền hoa hồng đại lý từ MVI, tức là muộn nhất ngày 17/4/2023 bà D phải hoàn thành nghĩa vụ thanh toán phí hợp đồng dịch vụ pháp lý cho Văn phòng Luật sư.

Tại Khoản 3 Điều 4 của hợp đồng này cũng quy định về phạt vi phạm trong trường hợp bên B (Văn phòng Luật sư) đang tiến hành các công việc thoả thuận trong hợp đồng này nếu bà Vũ Thị Thuỳ D đơn phương chấm dứt hợp đồng thì bà D phải thanh toán cho Văn phòng luật sư số tiền 10% trên tổng số tiền bà D yêu cầu Văn phòng Luật sư giải quyết tranh chấp với Doanh nghiệp bảo hiểm. Trong quá trình giải quyết bà D tự ý ký biên bản thoả thuận với MVI đồng ý nhận tiền hoa hồng thấp hơn mức yêu cầu B đầu nhưng chưa tiến hành thông báo và cũng chưa có sự đồng ý của Văn phòng luật sư là vi phạm nghĩa vụ hợp đồng. Như vậy, khi vi phạm hợp đồng bà D có nghĩa vụ thanh toán cho Văn phòng 10% số tiền bà D yêu cầu Văn phòng luật sư hỗ trợ B đầu.

Yêu cầu

Từ những căn cứ trên Văn phòng Luật sư T đề nghị Tòa án nhân dân Quận Long Biên, thành phố Hà Nội thụ lý giải quyết tranh chấp nêu trên. Buộc bà D phải thanh toán tiền hợp đồng dịch vụ pháp lý cho Văn phòng Luật sư số tiền là:

1. Số tiền 10% trên số tiền bà Vũ Thị Thuỳ D nhận được từ MVI cụ thể là 10% của số tiền 35,598,201 đồng (Ba mươi lăm triệu năm trăm chín mươi tám nghìn hai trăm linh một đồng) thì bà Vũ Thị Thuỳ D có nghĩa vụ thanh toán phí dịch vụ pháp lý cho hợp đồng với tổng số tiền là: 3,559,820 đồng (Ba triệu năm trăm năm mươi chín nghìn tám trăm hai mươi đồng).

2. Số tiền lãi chậm trả tính từ ngày 17/4/2023 sau 03 ngày Bà D nhận được tiền hỗ trợ đại lý từ MVI với lãi suất 10%/năm căn cứ khoản 2 điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tính đến ngày làm đơn khởi kiện là: $(3,559,820 \times 148 \times 10\%) / 365 = 144,343$ đồng (một trăm bốn mươi bốn nghìn ba trăm bốn mươi ba đồng).

Tổng số tiền yêu cầu là: $(1) + (2) = 3,559,820 + 144,343 = 3,704,163$ đồng (Ba triệu bảy trăm linh bốn nghìn một trăm sáu mươi ba đồng). Đây là số tiền tạm tính làm căn cứ nộp tiền tạm ứng án phí. Đề nghị Tòa án buộc bị đơn phải thanh toán lãi chậm trả tính đến ngày xét xử sơ thẩm. Kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm bị đơn phải thanh toán lãi chậm trả đến ngày hoàn thành nghĩa vụ.

*** Bị đơn trình bày:**

Bà D xác nhận có ký hợp đồng dịch vụ pháp lý với Văn phòng Luật sư T ngày 30/11/2022 với yêu cầu: Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Đại lý trong việc đơn phương chấm dứt hợp đồng đại lý của MVI bao gồm quyền được tiếp tục chăm sóc những khách hàng đã ký hợp đồng bảo hiểm với MVI thông qua đại lý và tiền hoa hồng MVI phải chi trả cho đại lý khi khách hàng tiếp tục đóng tái tục hợp đồng các năm sau nhưng chưa được Văn phòng Luật sư T giải thích rõ các điều khoản, cũng như kế hoạch chi tiết thực hiện công việc và thời gian thực hạn thực hiện các công việc này.

Ngày 15/3/2023, Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ MVI có B hành Thư thông báo chi trả khoản hỗ trợ cho đại lý, ngày 17/3/2023 bà D mới nhận được công văn này.

Cùng ngày 17/3/2023, bà D đã yêu cầu Văn phòng Luật sư T dừng hợp đồng pháp lý đã được ký kết trong nhóm Zalo do Văn phòng Luật sư T làm admin.

Như vậy, từ thời điểm ký kết hợp đồng đến khi bà D chấm dứt hợp đồng với Văn phòng Luật sư T là 3,5 tháng.

Tại khoản 1 Điều 4 hợp đồng ghi rõ: "...1. Phí dịch vụ tương đương 15% số tiền bên A nhận được từ Công ty TNHH Manulife Việt Nam hoặc Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ MVI theo khoản hoa hồng đại lý căn cứ các hợp đồng

bảo hiểm sẽ được tái tục. Phí dịch vụ này thanh toán cho chi phí bên B đã thực hiện các công việc đàm phán, làm việc với các bên liên quan để đòi quyền lợi cho bên A”.

Tại khoản 3 Điều 4 hợp đồng ghi rõ: “...3. Trong trường hợp bên B đang tiến hành các công việc đã thỏa thuận trong hợp đồng này bên A đơn phương chấm dứt hợp đồng thì bên A phải thanh toán cho bên B số tiền 10% trên tổng giá trị yêu cầu bên B giải quyết tranh chấp với Doanh nghiệp bảo hiểm (bảng kê doanh thu và hoa hồng đại lý kèm theo Hợp đồng này)

Như vậy, bà D xác định số tiền bà được MVI chi trả không phải là số tiền hoa hồng đã ký kết trong hợp đồng với Văn phòng Luật sư T. Vì vậy, bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Văn phòng Luật sư T. Bà cũng có phương án hòa giải, đồng ý chi trả cho Văn phòng Luật sư T 1.500.000 đồng vì bà ghi nhận Văn phòng đã soạn thảo 02 công văn cho Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ MVI nhưng Văn phòng không chấp nhận. Mặc dù MVI không trả lời công văn của Văn phòng Luật sư T nhưng bà vẫn trả phí là 1.500.000 đồng. Nhưng không phải vì áp lực của Văn phòng T mà bà được công ty MVI trả tiền mà đây là chính sách của công ty.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị bà Vũ Thị Thuý D có nghĩa vụ thanh toán phí dịch vụ pháp lý cho hợp đồng với tổng số tiền là: 3,559,820 đồng và tiền lãi chậm trả tính từ ngày 17.4.2023 sau 03 ngày bà D nhận được tiền hỗ trợ đại lý từ MVI với lãi suất 10%/năm căn cứ khoản 2 điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tính đến ngày xét xử sơ thẩm là: $(3.559.820đ \times 450 \times 10\%) / 365 = 438.882đ$. Tổng số tiền hai khoản là: 3,559,820đ + 438.882đ = 3.998.642đ.

Phía bị đơn vẫn giữ nguyên quan điểm là không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị tòa án xử bác yêu cầu của nguyên đơn. Trước đây và tại các buổi làm việc tại Tòa bà đồng ý chi trả cho Văn phòng Luật sư T 1.500.000 đồng và bà ghi nhận Văn phòng đã soạn thảo 02 công văn cho Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ MVI nhưng Văn phòng không chấp nhận, nay tại phiên tòa bà không đồng ý chi trả khoản tiền 1.500.000đ cho Văn phòng Luật sư T nữa.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên tại phiên tòa phát biểu ý kiến:**

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết buộc bị đơn trả tiền nợ phát sinh từ hợp đồng dịch vụ pháp lý. Bị đơn có nơi cư trú tại địa bàn quận Long Biên. Thẩm phán đã xác định đúng quan hệ tranh chấp. Đây là vụ án dân sự về tranh chấp hợp đồng dịch vụ, địa bàn quận Long Biên là nơi cư trú của bị đơn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Long Biên.

- Về thời hiệu khởi kiện: Đơn khởi kiện của nguyên đơn nằm trong thời hiệu khởi kiện. Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự không có ý kiến, yêu cầu gì về thời hiệu khởi kiện.

- Xác định tư cách tham gia tố tụng: Tòa án đã xác định đúng, đầy đủ các đương sự và tư cách tham gia tố tụng của đương sự.

- Về thời hạn chuẩn bị xét xử: đảm bảo đúng thời hạn theo quy định tại Điều 203 BLTTDS.

- Việc xác minh, thu thập chứng cứ đã đầy đủ như: lấy lời khai của các đương sự; thu thập các tài liệu do đương sự, các cơ quan tổ chức cung cấp; tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Việc thu thập chứng cứ của vụ án được đảm bảo đúng trình tự và thủ tục theo quy định của pháp luật.

- Về nội D giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của VPLS T, buộc bà Vũ Thị Thùy D thanh toán 3.559.820 đồng tiền phí dịch vụ phát sinh từ Hợp đồng dịch vụ pháp lý số 06/2022/HĐDVPL ngày 30/11/2022. Tiền lãi do chậm thanh toán được tính theo quy định với lãi suất 10%/năm kể từ ngày 18/5/2023. Bà Vũ Thị Thu D có nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả diễn biến tại phiên tòa, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

***Về tố tụng:**

- Về thẩm quyền giải quyết:

Văn phòng Luật sư T khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bị đơn là bà Vũ Thị Thùy D có đăng ký nhân khẩu thường trú: A102 NV KĐT Việt Hưng, phường Giang Biên, quận Long Biên, thành phố Hà Nội. Tạm trú tại địa chỉ: Số 8 ngách 180/405 Bắc Cầu, phường Ngọc Thụy, quận Long Biên, TP. Hà Nội nên việc TAND quận Long Biên thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS và hướng dẫn tại Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 5/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa, chấp hành đúng quy định của pháp luật.

*** Về nội D :**

Hợp đồng dịch vụ pháp lý số 06/2022/HĐDVPL ký ngày 30/11/2022 đã được các bên thống nhất tự nguyện thỏa thuận, ký kết bởi những người có đủ thẩm quyền, năng lực hành vi dân sự phù hợp với giao dịch được xác lập, mục đích và

nội D của các hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Về hình thức của hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 119 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Về nội D của hợp đồng: Các điều khoản của hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật nên phát sinh hiệu lực đối với các bên về quyền, nghĩa vụ và các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết trong hợp đồng. Quá trình giải quyết vụ án, các bên cũng thừa nhận việc ký kết và thực hiện hợp đồng. Do vậy, thỏa thuận của các bên trong Hợp đồng nêu trên được áp dụng để xem xét giải quyết vụ án.

Dịch vụ pháp lý mà VPLS T cung cấp là tham gia tư vấn, soạn thảo đơn từ, khiếu nại, đại diện cho bà D làm việc với các cá nhân, cơ quan, tổ chức về việc bà D bị Công ty bảo hiểm MVI và Manulife đơn phương chấm dứt hợp đồng đại lý. Mục đích là để đòi quyền lợi cho bà D mà cụ thể là tiền hoa hồng đại lý trị giá 42.007.000 đồng mà bà D đã xác nhận kèm theo hợp đồng.

Đến nay, bà D đã nhận được khoản chi trả 35.598.201 đồng của Công ty bảo hiểm MVI, nhưng theo xác nhận của Công ty thì đây không phải là khoản tiền hoa hồng đại lý mà chỉ là khoản tiền hỗ trợ, tri ân cho đóng góp của đại lý trong thời gian làm việc tại Công ty MVI. Do vậy, công việc theo hợp đồng là chưa thực hiện xong nhưng bà D đã tự ý ký kết với Công ty MVI về việc chấm dứt khiếu kiện và chấm dứt hợp đồng với VPLS T (theo các tin nhắn do các bên cung cấp) là đã vi phạm nghĩa vụ không hủy ngang trong bất kỳ trường hợp nào quy định tại khoản 2 Điều 2 của Hợp đồng.

Theo đó, khi đơn phương chấm dứt hợp đồng, bà D vẫn phải thanh toán chi phí dịch vụ theo khoản 3 Điều 4 của Hợp đồng, cụ thể “Trong trường hợp VPLS T đang tiến hành các công việc đã thỏa thuận trong hợp đồng này mà bà D đơn phương chấm dứt hợp đồng thì bà D phải thanh toán cho VPLS T số tiền 10% trên tổng giá trị yêu cầu VPLS T giải quyết tranh chấp với Doanh nghiệp bảo hiểm (Bảng kê doanh thu và hoa hồng đại lý kèm theo Hợp đồng này thể hiện giá trị 42.007.000 đồng)”. Như vậy, trường hợp bà D đơn phương chấm dứt hợp đồng, bà D phải thanh toán cho VPLS T số tiền là 4.200.700 đồng. Ghi nhận sự tự nguyện của VPLS T chỉ yêu cầu bà D thanh toán số tiền 3.559.820 đồng là phù hợp với thỏa thuận của các bên.

Ngày 15/5/2023, bà Vũ Thị Thùy D có công văn gửi VPLS T đề nghị VPLS dừng việc thực hiện các công việc liên quan nên có thể xem đây là thời điểm bà D đơn phương chấm dứt hợp đồng. Theo quy định tại Điều 4 hợp đồng thì thời điểm thanh toán tiền phí dịch vụ là 03 ngày kể từ ngày bà D nhận được tiền từ Doanh nghiệp bảo hiểm hoặc từ ngày bà D đơn phương chấm dứt hợp đồng. Do bà D chưa nhận được tiền hoa hồng đại lý nhưng đã đơn phương chấm dứt hợp đồng vào ngày 15/5/2023, nên bà D có nghĩa vụ thanh toán tiền phí dịch vụ theo quy định từ ngày 18/5/2023. Đến nay, bà D vẫn chưa thanh toán tiền phí

dịch vụ nên yêu cầu của VPLS T về việc thanh toán khoản tiền lãi là có căn cứ. Mức lãi suất VPLS T áp dụng cho khoản tiền chậm thanh toán là 10%/năm phù hợp với quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015. Tuy nhiên, thời điểm tính lãi cần xác định từ ngày đơn phương chấm dứt hợp đồng do bà D chưa nhận được tiền hoa hồng đại lý; việc tính từ ngày bà D nhận được khoản hỗ trợ từ MVI là chưa phù hợp.

Xét thấy Hợp đồng dịch vụ pháp lý được các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện, không bị lừa dối ép buộc, các chủ thể có đủ thẩm quyền, năng lực hành vi dân sự, các điều khoản của hợp đồng không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội, do vậy, HĐXX thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ pháp luật.

Quan điểm và ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Long Biên tham gia phiên tòa là có căn cứ, đúng với các quy định của pháp luật và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

*** Về án phí:** Bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật. Nguyên đơn không phải chịu án phí, được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

*** Về quyền kháng cáo:** Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Điều 351, 357, 468, 519 Bộ luật dân sự năm 2015.
- Căn cứ Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228. Điều 266, Điều 271, Điều 273, khoản 1 Điều 238 BLTTDS;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của VPLS T , buộc bà Vũ Thị Thùy D thanh toán 3.559.820 đồng tiền phí dịch vụ phát sinh từ Hợp đồng dịch vụ pháp lý số 06/2022/HĐDVPL ngày 30/11/2022. Tiền lãi do chậm thanh toán được tính theo quy định với lãi suất 10%/năm kể từ ngày 18/05/2023 cho đến ngày xét xử sở thẩm là $(3.559.820 \times 407 \times 10\%) / 365 = 396.945$ VND (Ba trăm chín mươi sáu nghìn chín trăm bốn lăm đồng). Tổng số tiền hai khoản là: $3.559.820 + 396.945 = 3.956.765$ VND (Ba triệu chín trăm năm sáu nghìn bảy trăm sáu lăm đồng).

2. Về án phí DSST:

Hoàn trả cho Văn phòng Luật sư T 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0018552 ngày 19/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Long Biên, TP. Hà Nội.

Bà Vũ Thị Thùy D phải nộp 300.000 nghìn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự

Án xử công khai sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND quận Long Biên;
- Chi cục THADS quận Long Biên;
- Các đương sự;
- Lưu HS,VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Xuân Hương